TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2022
"V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Bà Thị Xà Ly– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 03 năm 2022 về việc: "ly hôn, yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: chị Thị Chúc L, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang
* Bị đơn: anh Danh Thanh H, sinh năm 1990
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Chúc L trình bày*:**

Chị và anh H có quen biết tìm hiểu nhau được thời gian thì quyết định kết hôn với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 02/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cha mẹ chồng và anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp, không có tiếng nói chung về vấn đề công việc làm của cả hai người, anh H thì đi làm trên Cần Thơ, mỗi lần về gặp nhau thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hòa hợp như vậy đã kéo dài mấy năm, chị xét thấy không còn hạnh phúc nên chị đã về nhà cha mẹ ruột chị sống ly thân với anh H từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị đã suy nghĩ rất kỹ không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì chị không còn tình cảm với anh H nên chị quyết định ly

hôn với anh H. Về con chung chị và anh H có hai người con chung tên Danh Phúc Ng, sinh ngày 28/6/2014 và Danh Phúc H1, sinh ngày 12/10/2016, hai con sống với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Tại phiên tòa, về hôn nhân chị Thị Chúc L yêu cầu ly hôn với anh Danh Thanh H. Về con chung chị L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con Danh Phúc Ng, sinh ngày 28/6/2014 và Danh Phúc H1, sinh ngày 12/10/2016 và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

**** Đối với bị đơn anh Danh Thanh H không có mặt tại phiên tòa***: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

**** Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm***:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân chấp nhận cho chị Thị Chúc L được ly hôn với anh Danh Thanh H. Về con chung giao hai người con chung Danh Phúc Ng, sinh ngày 28/6/2014 và Danh Phúc H1, sinh ngày 12/10/2016 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị Chúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh Thanh H được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Danh Thanh H với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Chúc L và anh Danh Thanh H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 quyển số 01 ngày 02/01/2014 theo quy định tại Điều 11

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị L xin được ly hôn với anh H do hai người không hợp, không có tiếng nói chung về vấn đề công việc làm của cả hai người, anh H đi làm trên Cần Thơ, mỗi lần về gặp nhau vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hòa hợp đã kéo dài nhiều năm, chị xét thấy là không còn hạnh phúc nên chị đã về nhà cha mẹ ruột chị sống ly thân với anh H từ năm 2019 đến nay. Đối với anh H, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh H đều không có mặt. Tại phiên tòa, chị L khai rõ mâu thuẫn của vợ chồng chị đã không thể hàn gắn, hơn nữa chị cũng không còn tình cảm với anh H nên chị cương quyết ly hôn. HĐXX thấy rằng, anh chị không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L xác định chị và anh H có hai người con chung tên Danh Phúc Ng, sinh ngày 28/6/2014 và Danh Phúc H1, sinh ngày 12/10/2016; chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hai người con Danh Phúc Ng và Danh Phúc H1 sống chung bên chị L từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, hơn nữa Phúc Nguyên có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ nên cần giao hai cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng thực tế, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] Đối với bị đơn anh Danh Thanh H qua thẩm tra xác minh trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, anh vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng anh H đã đi làm xa thường xuyên không có ở nhà nên Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng giao cho người thân thích của bị đơn có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú của anh H nhận thay đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh H.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng chị L phải nộp do chị có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Chúc L được ly hôn với anh Danh Thanh H.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Danh Phúc Ng, sinh ngày 28/6/2014 và Danh Phúc H1, sinh ngày 12/10/2016 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung**:** Miễn xét

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006744 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Định Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh